

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án bảo tồn và phát triển các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền và địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Luật Bảo vệ Môi trường; Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/1999/NĐ-CP; số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/1999/NĐ-CP và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP; số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 về việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm; số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương lập Dự án bảo tồn và phát triển các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông;

Xét đề nghị của Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông tại Tờ trình số 19/TTr-BTPL ngày 04/11/2016; của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5152/SKHĐT-KTNN ngày 05/12/2016 về báo cáo thẩm định dự án Bảo tồn và phát triển các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Bảo tồn và phát triển các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Bảo tồn và phát triển các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Mục tiêu chung: Điều tra, bảo tồn và phát triển 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp, góp phần bảo tồn bền vững đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xác định hiện trạng phân bố và các mối đe dọa đối với 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp;

+ Xác định các đặc tính sinh vật học, sinh thái học của 02 loài;

+ Xác định các biện pháp lâm sinh hiệu quả nhằm xúc tiến khả năng tái sinh của 02 loài;

+ Xây dựng chương trình giám sát và xác định các giải pháp để bảo tồn, phát triển 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

4. Các nội dung của dự án:

4.1. Điều tra hiện trạng phân bố và xác định các mối đe dọa đến quá trình sinh trưởng và phát triển của 02 loài thực vật.

4.2. Điều tra, nghiên cứu các đặc điểm sinh học, sinh thái học của 02 loài thực vật.

4.3. Nghiên cứu, xác định các biện pháp lâm sinh hiệu quả nhằm xúc tiến quá trình tái sinh của 02 loài thực vật.

4.4. Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát đối với 02 loài.

4.5. Đề xuất các giải pháp để bảo tồn và phát triển 02 loài thực vật Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

5. Sản phẩm chính của dự án:

5.1. Báo cáo tổng hợp và tóm tắt kết quả thực hiện dự án (10 bộ).

5.2. Bộ sản phẩm các báo cáo chuyên đề dự án (10 bộ), gồm:

- Chuyên đề 1: Báo cáo chuyên đề về thực trạng phân bố 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 2: Báo cáo chuyên đề về đặc tính sinh vật học, sinh thái học của 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 3: Báo cáo chuyên đề về các mối đe dọa đến 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 4: Báo cáo chuyên đề về các biện pháp lâm sinh để xúc tiến khả năng tái sinh tự nhiên của 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 5: Báo cáo chuyên đề về nghiên cứu môi trường giá thể gieo ươm 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 6: Báo cáo chuyên đề về kỹ thuật và hướng dẫn kỹ thuật tạo giống 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 7: Báo cáo chuyên đề về chương trình giám sát đối với 02 loài thực vật Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 8: Giải pháp để bảo tồn và phát triển quần thể 02 loài thực vật Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông

5.3. Các sản phẩm khác của dự án:

- Bộ bản đồ và cơ sở dữ liệu về phân bố 02 loài thực vật Thông Pà Cò và Thông Đỏ Bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, tỷ lệ 1:25.000.

- Bảng thông tin tuyên truyền và Poster tuyên truyền được cấp phát đến cộng đồng.

6. Địa điểm và phạm vi thực hiện: Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

7. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 1.396 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí thực hiện dự án: 1.179,1 triệu đồng.
- Chi phí thiết bị, nguyên nhiên liệu: 61,4 triệu đồng.
- Chi phí khác: 89,0 triệu đồng.
- Chi phí dự phòng: 66,5 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

8. Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh.

9. Thời gian thực hiện: Trong 3 năm (2017 - 2019).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (chủ đầu tư) căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

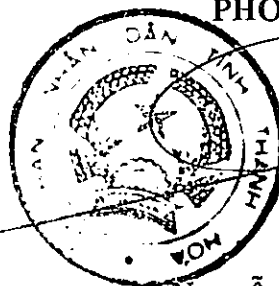
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ đầu tư; Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

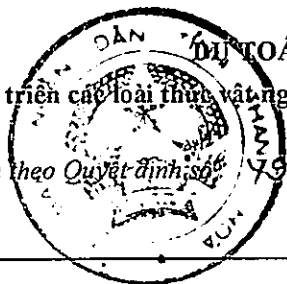
- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN (02).
- (Truc125)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU I



DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bảo tồn và phát triển các loài thực vật quý hiếm, nguy cấp, quý hiếm Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông

(Kèm theo Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Hạng mục	Tổng dự toán
	Tổng số	1.396,0
I	Chi phí điều tra, đánh giá hiện trạng và xây dựng giải pháp để bảo tồn và phát triển 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	1.179,1
1	Tập huấn nghiệp vụ nghiên cứu, điều tra cho cán bộ.	13,0
2	Điều tra, đánh giá thực trạng phân bố 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	430,2
3	Điều tra, đánh giá các mối đe dọa 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	218,1
4	Điều tra, nghiên cứu đặc tính sinh vật học, sinh thái học 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	182,8
5	Điều tra, xác định các biện pháp lâm sinh để xúc tiến khả năng tái sinh tự nhiên của 2 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	143,4
6	Nghiên cứu bảo tồn chuyển vị 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (Nhân giống hữu tính)	41,0
7	Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát với 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	105,0
8	Thực hiện chương trình tuyên truyền quản lý bảo vệ 02 loài thực vật quý hiếm, nguy cấp Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	45,5
II	Chi phí thiết bị, nguyên nhiên liệu	61,4
III	Chi phí khác	89,0
1	Báo cáo tổng kết dự án	12,0
2	Chi phí lập dự án	15,0
3	Chi phí quản lý dự án	62,0
IV	Chi phí dự phòng = 5%*(I+II+III)	66,5

PHỤ BIỂU 2

DỰ TOÁN DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bảo tồn và phát triển các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm Thông pà cò và Thông đỏ bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông

(Kèm theo Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Hạng mục	ĐVT	Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số				1.395.976	
I	Chi phí thực hiện điều tra, nghiên cứu				1.179.105	
1	Tập huấn cho 20 cán bộ Khu bảo tồn (3 ngày). Tổ chức tập huấn kỹ năng điều tra, giám sát, bảo tồn và phát triển các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm Thông pà cò và Thông đỏ bắc nói riêng và một số loài thực vật nguy cấp, quý hiếm nói chung tại rừng đặc dụng Pù Luông				13.000	
-	Công chuyên gia biên soạn tài liệu tập huấn và báo cáo kết quả (02 người x 3 ngày)	Ngày	2	1.000	2.000	
-	Công chuyên gia tập huấn (2 người x 3 ngày)	Ngày	2	1.000	2.000	
-	Tài liệu tập huấn	Bộ	20	60	1.200	
-	Makét tập huấn	Cái	1	300	300	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ khu Bảo tồn tham gia tập huấn (20 người x 3 ngày)	Người	20	180	3.600	
-	Thuê phòng nghỉ cho chuyên gia và cán bộ tham gia tập huấn (11 phòng x 3 ngày)	Phòng	11	300	3.300	
-	Chi nước uống (30 đồng/người/ngày)	Người	20	30	600	
2	Điều tra, đánh giá thực trạng phân bố 02 loài cây				430.248	
2.1	Thuê khoán chuyên môn				237.048	
-	Công chuyên gia đi điều tra thực địa (7 ngày/dợt x 12 đợt/loài x 2 loài)	Công	168	1000	168.000	
-	Công 02 điều tra viên (7 ngày/dợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	336	137	46.032	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường và khâu vác dụng cụ (7 ngày/dợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	168	137	23.016	
2.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				151.200	
-	Phụ cấp lưu trú cho 3 cán bộ KBT đi điều tra (7 ngày/dợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	504	180	90.720	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra (7 ngày/dợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	504	120	60.480	
2.3	Nguyên vật liệu, năng lượng				36.000	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia (12 đợt x 2 loài)	Chuyến	24	1.500	36.000	
2.4	Báo cáo chuyên đề	<i>báo cáo</i>	<i>1</i>	<i>6.000</i>	<i>6.000</i>	
3	Điều tra, xác định các mối đe dọa 02 loài cây tại rừng đặc dụng Pù Luông				218.124	
3.1	Thuê khoán chuyên môn				118.524	
-	Công chuyên gia đi điều tra (7 ngày/dợt x 6 đợt/loài x 2 loài)	Công	84	1000	84.000	

TT	Hạng mục		Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2		4	5	6	7
-	Công 02 điều tra viên (7 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	168	137	23.016	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiểm dẫn đường và khuôn vác dụng cụ (7 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	84	137	11.508	
3.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				75.600	
-	Phụ cấp lưu trú cho 3 cán bộ KBT đi điều tra (7 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	252	180	45.360	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra (7 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	252	120	30.240	
3.3	Nguyên vật liệu, năng lượng				18.000	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia (6 đợt/loài x 2 loài)	Chuyên	12	1.500	18.000	
3.4	Xây dựng báo cáo chuyên đề	báo cáo	1	6.000	6.000	
4	Điều tra, nghiên cứu đặc tính sinh vật học, sinh thái học				182.770	
4.1	Thuê khoán chuyên môn				98.770	
-	Công chuyên gia đi điều tra thực địa (7 ngày/đợt x 5 đợt/loài x 2 loài)	Công	70	1000	70.000	
-	Công 02 điều tra viên (7 ngày/đợt x 5 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	140	137	19.180	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiểm dẫn đường và khuôn vác dụng cụ (7 ngày/đợt x 5 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	70	137	9.590	
4.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				63.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho 3 cán bộ KBT đi điều tra (7 ngày/đợt x 5 đợt/loài x 2 loài x 4 người)	Ngày	210	180	37.800	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra (7 ngày/đợt x 5 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	210	120	25.200	
4.3	Nguyên vật liệu, năng lượng				15.000	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia (5 đợt/loài x 2 loài)	Chuyên	10	1.500	15.000	
4.4	Xây dựng báo cáo chuyên đề	báo cáo	1	6.000	6.000	
5	Điều tra, xác định các biện pháp lâm sinh để xúc tiến khả năng tái sinh tự nhiên của 2 loài cây. Lập ô khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 2ha/ loài cây				143.440	
5.1	Thuê khoán chuyên môn				56.440	
-	Công chuyên gia đi điều tra thực địa (5 ngày/đợt x 4 đợt/loài x 2 loài)	Công	40	1000	40.000	
-	Công 02 điều tra viên (5 ngày/đợt x 4 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	80	137	10.960	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiểm dẫn đường và khuôn vác dụng cụ (5 ngày/đợt x 4 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	40	137	5.480	
5.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				36.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho 3 cán bộ KBT đi điều tra (5 ngày/đợt x 4 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	120	180	21.600	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra (5 ngày/đợt x 4 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	120	120	14.400	
5.3	Nguyên vật liệu, năng lượng				6.000	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia	Chuyên	4	1.500	6.000	

TT	Hạng mục	Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Chú chú	
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7
5.4	Xây dựng báo cáo chuyên đề	Báo cáo	1	6.000	6.000	
5.5	Xúc tiến tái sinh				39.000	
-	Công Thuê người dân phát dọn xử lý thực bì (5 người x 2 loài x 10 ngày)	Công	100	150	15.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho 4 cán bộ KBT đi giám sát, phát dọn thực bì (4 người x 2 loài x 10 ngày)	Ngày	80	180	14.400	
	Hỗ trợ tiền nghỉ cho cán bộ KBT đi giám sát, phát dọn thực bì (4 người x 2 loài x 10 ngày)	Ngày	80	120	9.600	
6	Nghiên cứu bảo tồn chuyển vị 02 loài cây (Nhân giống hữu tính)				40.997	
6.1	Thiết bị, vật liệu rẻ tiền mau hỏng				18.497	
-	Mua cuốc, xẻng (02 cái cuốc, 02 cái xẻng)	Cái	4	58	232	
-	Thùng doa tưới nước	Cái	2	120	240	
-	Bình bơm thuốc trừ sâu	Cái	1	1.050	1.050	
-	Đóng khay gỗ gieo ươm, để kiểm nghiệm sức sống của hạt giống trên nền cát, Nền đất mùn, Nền sơ dừa (75cm x 75cm)	Cái	6	250	1.500	
-	Mua đất mùn đóng bầu	m ³	2	300	600	
-	Mua phân chuồng hoai	Kg	100	10	1.000	
-	Mua cát làm nền gieo hạt	m ³	2,5	150	375	
-	Mua túi bầu loại 1kg	kg	2	120	240	
-	Mua cọc tre, luống làm giàn che	Cọc	150	40	6.000	
-	Mua lưới che nắng Thái Lan (độ che phủ 80%)	m2	50	35	1.750	
-	Ni Lông bao sung quanh (chống Chuột, che rét)	Kg	10	78	780	
-	Mua thuốc phòng, trừ bệnh	Giá trần	1	2.000	2.000	
-	Mua thuốc kính thích ra rễ	Toàn bộ	1	2.000	2.000	
-	Mua thuốc sâu	Chai	6	40	240	
-	Mua Phân đạm Urê	Kg	10	19	190	
-	Mua Phân Lân	Kg	10	15	150	
-	Mua phân NPK	Kg	10	15	150	
6.2	Nghiên cứu môi trường giá thể gieo ươm	Báo cáo	1	6.000	6.000	
6.3	Nghiên cứu kỹ thuật				6.000	
-	Kỹ thuật thu hái hạt giống, hom giống	Báo cáo	1	6.000	6.000	
6.4	Thuê khoán chuyên môn				4.500	
-	Thuê người dân thu hái nón giống 02 loài cây Hạt trần: 5 ngày/ đợt x 2 đợt x 2 loài.	Công	20	150	3.000	
-	Thuê người dân đóng bầu cây 02 loài cây Hạt trần: 5 ngày x 2 người.	Công	10	150	1.500	
6.5	Hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật tạo giống 02 loài cây. 01 bản hướng dẫn x 6.000 đ/bản	Báo cáo	1	6.000	6.000	
7	Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát với 02 loài cây				105.026	
7.1	Xây dựng 8 tuyến giám sát cho 02 loài cây(4 tuyến/loài)				80.960	
7.1.1	Thuê khoán chuyên môn				50.960	
-	Công chuyên gia đi xây dựng ngoài thực địa (5 ngày/tuyến x 8 tuyến)	Công	40	1000	40.000	
-	Công điều tra viên (5 ngày/tuyến x 8 tuyến)	Công	40	137	5.480	
-	Công người phiên dịch tiếng dân tộc và dẫn đường (5 ngày/tuyến x 8 tuyến)	Công	40	137	5.480	

TT	Hạng mục		Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7
7.1.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				24.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho 2 cán bộ KBT đi xây dựng ngoài thực địa (5 ngày/tuyến x 8 tuyến x 2 người)	Ngày	80	180	14.400	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra (5 ngày/tuyến x 8 tuyến x 2 người)	Ngày	80	120	9.600	
7.1.3	Nguyên vật liệu, năng lượng				6.000	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia (Chuyến = Lượt đi + Lượt về).	Chuyến	4	1.500	6.000	
7.2	Tổ chức giám sát 02 loài cây theo tuyến giám sát				24.066	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ KBT đi giám sát theo tuyến đã lập (6 đợt x 3 ngày/đợt x 4 người)	Ngày	72	180	12.960	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho 4 cán bộ đi giám sát theo tuyến đã lập (6 đợt x 3 ngày/đợt x 4 người)	Ngày	72	120	8.640	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiểm dẫn đường và khuân vác dụng cụ (6 đợt x 3 ngày/đợt x 2 người)	Công	18	137	2.466	
8	Thực hiện chương trình tuyên truyền quản lý bảo vệ				45.500	
8.1	In ấn tờ rơi tuyên truyền cấp phát cho người dân	cái	5.000	7,5	37.500	
8.2	Bản đồ phân bố (Tỷ lệ 1/25.000)				8.000	
-	Biên tập, xây dựng bản đồ phân bố	Bộ	1	6.000	6.000	
-	In ấn bản đồ phân bố	Bộ	2	1.000	2.000	
II	Trang thiết bị, máy móc, thuốc phòng, vật liệu rẻ tiền, văn phòng phẩm phục vụ dự án				61.372	
-	Quần, áo bảo hộ	Bộ	16	550	8.800	
-	Dây đi rừng (Dây quần nhu, loại cao cổ)	Đôi	16	170	2.720	
-	Máy chiếu (LED siêu nét DLP-100)	Cái	1	13.500	13.500	
-	Tất chống vắt	Đôi	16	45	720	
-	Tủ bảo quản hạt giống Electrolux	cái	1	7.500	7.500	
-	Thuốc dây 2 chiều (Loại 50m)	cái	2	350	700	
-	Thuốc kẹp đường kính 1.3m bằng nhôm	cái	2	540	1.080	
-	Đĩa bàn cầm tay	cái	2	850	1.700	
-	Thuốc đo chiều cao Bulummeleiss	cái	2	1.700	3.400	
-	Lều trại phục vụ điều tra trong rừng	cái	4	1.500	6.000	
-	Đèn pin	cái	6	42	252	
-	In ấn tài liệu, bản đồ, văn phòng phẩm phục vụ điều tra	Năm	3	3000	9.000	
-	Thuốc phòng, băng, gạc... phục vụ các đợt đi điều tra trong rừng	Năm	3	2000	6.000	
III	Chi phí khác				89.024	
-	Báo cáo tổng kết Dự án	Báo cáo	1	12.000	12.000	
-	Chi phí lập dự án				15.000	
-	Chi phí quản lý dự án {5%*(I +II)}				62.024	
IV	Dự phòng {5%*(I+II+ III)}				66.475	